

ĐỔI MỚI MÔ HÌNH VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC

Đoàn Thị Thu Hà*, Nguyễn Ngọc Tuấn**, Mai Công Quyền***

Ngày nhận: 25/9/2014

Ngày nhận bản sửa: 22/10/2014

Ngày duyệt đăng: 4/11/2014

Tóm tắt

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố (EFA) và phân tích hồi quy trên cơ sở bộ số liệu điều tra bảng hỏi và phỏng vấn 118 chuyên để khám phá và làm rõ 4 nhóm nhân tố với 15 thuộc tính là những hạn chế trong thực hiện quản lý vốn nhà nước tại các tổng công ty xây dựng nhà nước. Trên cơ sở kết quả điều tra chuyên gia, bài viết đề xuất phương án tách chức năng đại diện chủ sở hữu Nhà nước với chức năng quản lý nhà nước theo hướng thành lập cơ quan chuyên trách thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước được tổ chức dưới hình thức ủy ban thuộc Chính phủ.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhà nước, quản lý vốn Nhà nước, tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước

Innovating the model and the state-capital management mechanism at the state-owned construction corporations

Abstracts:

The article conducted exploratory factor analysis (EFA) and regression analysis using data from a survey of 118 equity management experts to explore and clarify the 4 factors with 15 attributes which limit the management activities of state capital in the state-owned construction corporations. Based on the survey results, the article proposes the separation of representation of state ownership function with state management function towards the establishment of a specialized agency to carry out the rights and obligations of the state ownership held under a commission of the government.

Keywords: State-owned enterprises, state financial management, restructuring state-owned enterprises.

1. Giới thiệu

Tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước được xác định là một trong ba nhiệm vụ trọng tâm trong tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Chính phủ (2014) và Thủ tướng Chính phủ (2012) cũng đã thể chế hóa nhiệm vụ này cho giai đoạn 2011-2015.

Tính đến 31/6/2014, Việt Nam có 35 tổng công ty xây dựng nhà nước, trong đó công ty mẹ của các tổng công ty đã được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và các đơn vị thành viên đã cơ bản được sắp xếp, đổi mới trở thành công ty cổ phần. Tuy nhiên, hiện nay mô hình và cơ chế

quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước nói chung và tại các tổng công ty xây dựng nhà nước nói riêng đang đặt ra yêu cầu cần phải tiếp tục đổi mới căn bản để tạo động lực cho các doanh nghiệp phát triển cũng như thực hiện tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời, đây cũng là yêu cầu cấp thiết đặt ra trong bối cảnh Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp đang chuẩn bị được thông qua.

Thông qua điều tra bảng hỏi và phỏng vấn chuyên gia, bài nghiên cứu sẽ làm rõ các hạn chế, nguyên nhân của các hạn chế trong chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các tổng công ty xây dựng nhà nước, từ đó đề xuất đổi mới mô hình và cơ

chế quản lý vốn tại các tổng công ty góp phần thực hiện thành công quá trình tái cấu trúc các tổng công ty xây dựng nhà nước.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Các nghiên cứu nước ngoài

Một trong những tài liệu nổi bật liên quan đến chính sách quản lý vốn nhà nước là *Hướng dẫn của OECD về quản trị doanh nghiệp tại các doanh nghiệp nhà nước* của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD, 2005). Theo OECD (2005), Nhà nước cần thực hiện chức năng chủ sở hữu của mình thông qua một đơn vị sở hữu tập trung hoặc các đơn vị phối hợp có hiệu quả, hoạt động độc lập và phù hợp với chính sách sở hữu công khai. Trong số 6 đề xuất của OECD về quản trị các doanh nghiệp nhà nước, hai đề xuất đầu tiên nhấn mạnh phương pháp quản lý vốn của nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước như sau:

Một là, đảm bảo khuôn khổ pháp lý và quy định hiệu quả cho các doanh nghiệp nhà nước. Khuôn khổ pháp lý và quy định đối với doanh nghiệp nhà nước phải đảm bảo một sân chơi bình đẳng trong thị trường mà doanh nghiệp nhà nước và công ty tư nhân cạnh tranh công bằng để tránh làm biến đổi thị trường.

Hai là, Nhà nước đóng vai trò như chủ sở hữu. Nhà nước cần đóng vai trò như một chủ sở hữu luôn chủ động và nắm rõ đầy đủ thông tin, thiết lập một chính sách về quyền sở hữu rõ ràng và nhất quán, đảm bảo rằng việc quản trị tại các doanh nghiệp nhà nước được thực hiện một cách minh bạch và có trách nhiệm, mang tính chuyên nghiệp và đem lại hiệu quả.

Nghiên cứu của Amico (2012) cũng ứng dụng hướng dẫn để xác định những chính sách cần ưu tiên nhằm nâng cao hiệu quả các doanh nghiệp nhà nước tại Trung Đông và Bắc Phi.

Đề cập đến vấn đề quản lý vốn nhà nước, Mattlin (2012) nghiên cứu về các doanh nghiệp nhà nước chiến lược và sự kiểm soát quyền sở hữu tại Trung Quốc. Kết quả nghiên cứu của tác giả cho thấy, Chính phủ Trung Quốc đang duy trì kiểm soát quyền sở hữu đáng kể tại các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong các ngành công nghiệp được coi là có tính chiến lược, trong khi từ bỏ quyền kiểm soát của các doanh nghiệp ít quan trọng.

Trong nghiên cứu về vốn ngân sách tại các doanh nghiệp nhà nước Trung Quốc, Xu (2010) đã chỉ ra rằng, khá nhiều nhà quản lý tập trung vào cắt giảm chi phí, nhưng hiếm khi quan tâm đúng mức đối với

vốn ngân sách, đầu tư tài sản dài hạn, hoặc nghiên cứu và phát triển (R&D). Thậm chí vì lợi ích của nhu cầu nhất định, chi phí vốn ngẫu nhiên trở nên phổ biến. Việc bảo toàn các tài sản nhà nước cũng như việc đánh giá cao giá trị tài sản của Nhà nước đang bị đe dọa nghiêm trọng. Theo Bozec và cộng sự (2002), khi mục tiêu chính của các doanh nghiệp nhà nước là tối đa hóa lợi nhuận thì cũng thực hiện tốt như các doanh nghiệp tư nhân. Do đó, nguyên nhân khiến cho các doanh nghiệp nhà nước đạt hiệu quả hoạt động thấp là vì theo đuổi những mục tiêu khác các công ty tư nhân, thay vì những lập luận do vấn đề về quản trị công.

2.2. Các nghiên cứu tại Việt Nam

Tại Việt Nam đã có một số nghiên cứu về mô hình và cơ chế quản lý vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước. Các nghiên cứu về mô hình và cơ chế quản lý vốn Nhà nước đối với các doanh nghiệp Nhà nước ở Việt Nam hiện nay chủ yếu thực hiện theo phương pháp nghiên cứu tại bàn (desk study) kết hợp với khảo sát thực tiễn, phỏng vấn sâu một số chuyên gia. Điển hình trong đó phải kể đến nghiên cứu của CIEM-BWTO (2012). Qua khảo sát thực tiễn và kinh nghiệm của các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, nghiên cứu này đã đề xuất tách bạch chức năng đại diện chủ sở hữu Nhà nước với chức năng quản lý hành chính nhà nước.

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Hương (2009) đã làm rõ khái niệm về quản lý vốn nhà nước, đặc điểm vốn nhà nước, các nội dung cơ bản về quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp sau cổ phần. Đồng thời, tác giả cũng đề cập đến những bất cập của văn bản chính sách đầu tư vốn của nhà nước tại doanh nghiệp và thực trạng quản lý vốn nhà nước tại các tập đoàn, tổng công ty và công ty nhà nước trong việc quản lý và sử dụng vốn nhà nước.

Một nghiên cứu khác của Vũ Thành Tụ Anh (2012) đã đề xuất 9 khuyến nghị đối với chương trình tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước, trong đó có khuyến nghị phải cải cách hệ thống quản trị đối với các doanh nghiệp nhà nước, cụ thể: ở cấp độ hệ thống phải tách chức năng quản lý hành chính Nhà nước, điều tiết và kinh doanh trực tiếp, ở cấp độ công ty cần minh mạch tối đa kết quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước. Một nghiên cứu khác của CIEM (2013) cũng kiến nghị thành lập cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại doanh nghiệp.

Vũ Tuấn Anh (2012) nghiên cứu về cơ chế quản lý tài chính đối với các tập đoàn kinh tế Nhà nước

giai đoạn 2006-2010. Tác giả cho rằng cơ chế hiện nay quy định quá nhiều chủ sở hữu, từ Thủ tướng Chính phủ, các bộ trưởng đến Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh nhưng không quy định rõ cơ quan chịu trách nhiệm chính.

3. Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phỏng vấn và điều tra chuyên gia. Trong các nghiên cứu phục vụ cho xây dựng chính sách và quản lý, phương pháp phỏng vấn và điều tra chuyên gia thông qua bảng hỏi là một kỹ thuật quan trọng trong nghiên cứu định lượng để kiểm định các lý thuyết khoa học được suy diễn từ lý thuyết đã có (Nguyễn Đình Thọ, 2013).

Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Linkert với 5 mức độ: 1: Hoàn toàn KHÔNG đồng ý; 2: KHÔNG đồng ý; 3: Lưỡng lự; 4: Đồng ý; 5: hoàn toàn Đồng ý.

Đối tượng điều tra, phỏng vấn trong mẫu được phân thành 3 nhóm theo chức năng:

- *Nhóm 1* là các cán bộ quản lý vốn nhà nước tại các cơ quan hành chính nhà nước và các chuyên gia tại một số viện thuộc bộ, và một số sở thuộc Thành phố Hà Nội có liên quan trực tiếp đến quản lý vốn nhà nước tại các tổng công ty xây dựng nhà nước, bao gồm Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Trung ương, Vụ Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thuộc 4 cơ quan: Văn phòng Chính phủ, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông Vận tải, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (CIEM), Viện Chiến lược và chính sách công nghiệp - Bộ Công Thương; Cán bộ quản lý tại Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội;

- *Nhóm 2* là cán bộ lãnh đạo tại các Tổng công ty xây dựng Nhà nước là đối tượng thực hiện quản lý vốn Nhà nước ở cấp chiến lược tại các Tổng công ty xây dựng Nhà nước, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc/Giám đốc, Thành viên Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc/Ban Giám đốc, Người đại diện vốn/Người đại diện quản lý doanh nghiệp;

- *Nhóm 3* là các đối tượng thực hiện quản lý vốn Nhà nước tại các Tổng công ty xây dựng Nhà nước ở cấp vi mô (cấp thực thi), bao gồm: Lãnh đạo Ban/Phòng và tương đương trong Tổng công ty, Chuyên viên các Ban/Phòng và tương đương trong tổng công ty. Mục đích phân loại để xem xét sự khác nhau trong nhận định, đánh giá của 3 nhóm đối

tượng có liên quan đến quản lý vốn nhà nước tại các tổng công ty xây dựng nhà nước.

Các phương pháp được sử dụng trong quá trình xử lý dữ liệu bao gồm:

- *Phương pháp thống kê mô tả*: Trong từng nội dung phỏng vấn sẽ tính tỷ lệ % cho từng thang đo sau đó sẽ tính điểm bình quân (Mean) cho từng thuộc tính hỏi.

- *Phương pháp phân tích nhân tố (EFA)*: Các phương pháp phân tích định lượng được sử dụng trong bài nghiên cứu gồm: phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis - EFA) và phân tích hồi quy. Phân tích nhân tố khám phá là một trong những phương pháp phân tích thống kê dùng để rút gọn một tập hợp nhiều biến quan sát phụ thuộc lẫn nhau thành một tập biến (gọi là các nhân tố) ít hơn để chúng có ý nghĩa hơn nhưng vẫn chứa đựng hầu hết thông tin của tập biến ban đầu (Hair và cộng sự, 1998). Mô hình phân tích nhân tố khám phá được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu để đánh giá sơ bộ các thang đo lường. Vì vậy, trong nghiên cứu này với mục tiêu khám phá các nhân tố đo lường hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế về cơ chế quản lý vốn Nhà nước đối với Tổng công ty xây dựng Nhà nước, việc sử dụng mô hình phân tích nhân tố là phù hợp.

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu gửi 150 phiếu điều tra đến các chuyên gia, cán bộ quản lý liên quan trực tiếp đến quản lý vốn Nhà nước tại 29 Tổng công ty xây dựng Nhà nước, 5 Bộ, 1 Ủy ban Nhân dân, 3 Sở thuộc Ủy ban nhân dân, 2 Viện nghiên cứu và 2 Trường đại học. Kết quả thu về được 122 phiếu, có 4 phiếu không đạt yêu cầu về thông tin. Cuối cùng, quy mô mẫu phiếu điều tra là 118 phiếu. Tính trên tổng số 35 Tổng công ty xây dựng Nhà nước và số thuộc tính trong bảng hỏi, quy mô mẫu điều tra này là đảm bảo yêu cầu về thống kê.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả thống kê mô tả

Cơ cấu mẫu khảo sát phân chia theo 3 nhóm tính trên tổng số mẫu khảo sát là 118 người, trong đó các cán bộ quản lý nhà nước gồm 47 người (chiếm 40%); lãnh đạo các doanh nghiệp nhà nước tham gia khảo sát có 34 người (chiếm 29%); các cán bộ thực hiện gồm 37 người (chiếm 31%).

Thống kê mô tả kết quả điều tra chuyên gia theo 8 nhóm vấn đề như sau:

4.1.1. Nhóm 1: Những hạn chế trong thực hiện

chức năng đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại các Tổng công ty xây dựng nhà nước

Kết quả điều tra cho thấy, điểm bình quân đánh giá của các chuyên gia về toàn bộ 12 hạn chế trong thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đều từ 3,32/5 trở lên (mức giữa Lương lự và Đồng ý). Tỷ lệ mức Đồng ý và Hoàn toàn Đồng ý của các hạn chế đều trên 50%. Qua kết quả điều tra chuyên gia cho thấy, 5 hạn chế lớn nhất trong thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu tại các Tổng công ty xây dựng nhà nước sắp theo thứ tự như sau:

“Chức năng quản lý nhà nước và chức năng đại diện chủ sở hữu bị chồng chéo” với tổng mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý chiếm tới 90% và điểm trung bình đánh giá là 4.1.

“Cơ quan hành chính nhà nước thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu không có đủ chuyên môn quản lý các doanh nghiệp đa lĩnh vực”, đạt 4.03 với tổng mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý chiếm 91%.

“Doanh nghiệp Nhà nước chịu sự kiểm tra, giám sát của nhiều cơ quan quản lý các cấp đối với cùng một nội dung” được nhận định là hạn chế lớn thứ 3 trong các hạn chế được liệt kê với tổng mức trung bình đánh giá là 3.95, trong đó tỷ lệ hoàn toàn đồng ý với nhận định này chiếm đến 22,88%, đồng ý chiếm 61,02%.

“Việc phối hợp trong thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu nhà nước giữa các Bộ/Ban/Ngành hoặc các Sở còn hạn chế, chất lượng không cao” với điểm trung bình đánh giá là 3,87 và mức đồng ý là 50,85%, hoàn toàn đồng ý là 11,86%.

“Chức năng chủ sở hữu bị hạn chế do phải sử dụng các cán bộ và bộ phận giúp việc/tham mưu làm việc theo phương thức hành chính” với điểm bình quân là 3,77 và mức đồng ý chiếm 55,08%, hoàn toàn đồng ý chiếm 16,95%.

Kết quả điều tra cũng cho thấy, việc giám sát của chủ sở hữu chưa hiệu lực và hiệu quả được thể hiện qua hạn chế lớn nhất là *“Doanh nghiệp đang bị giám sát bởi kiểm soát viên nhưng lại chỉ trả trực tiếp lương cho kiểm soát viên”*, tiếp đến là hạn chế *“Hầu hết kiểm soát viên đều là cán bộ, chuyên viên phòng/ban của doanh nghiệp kiêm nhiệm”*.

4.1.2. Nhóm 2: Các nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các tổng công ty xây dựng

Nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn các chuyên gia về 3 nhóm nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các tổng công ty xây dựng nhà nước.

Kết quả điều tra chuyên gia cho thấy, Nhóm nguyên nhân thứ 3 *“Năng lực và các điều kiện cho thực hiện giám sát của chủ sở hữu nhà nước còn thiếu và yếu”* là nhóm nguyên nhân lớn nhất với điểm bình quân là 3,86, tổng mức đồng ý và đồng ý hoàn toàn chiếm 83%. Trong đó, 6 nguyên nhân chi tiết của nhóm nguyên nhân 3 đều có điểm bình quân thấp nhất là 3,65 và cao nhất là 4,07.

4.1.3. Nhóm 3: Phương án tách chức năng chủ sở hữu nhà nước với chức năng quản lý nhà nước

Kết quả điều tra cho thấy ý kiến chuyên gia về tách chức năng chủ sở hữu nhà nước với chức năng quản lý nhà nước tại các tổng công ty xây dựng nhà nước vẫn chưa có sự đồng nhất với điểm trung bình đánh giá các mục dao động gần mức 3 (lương lự). Trong số 3 phương án tại Bảng hỏi, Phương án 2 *“Thành lập 1 cơ quan chuyên trách (Ủy ban quản lý, giám sát doanh nghiệp Nhà nước) trực thuộc Chính phủ”* có điểm bình quân cao nhất 3,24 với tổng đồng ý và hoàn toàn đồng ý chiếm 51%.

Các chuyên gia có sự nhất trí cao hơn, tập trung hơn tại phương án xử lý dứt điểm việc tách bạch chức năng đại diện của chủ sở hữu và chức năng quản lý Nhà nước thông qua thành lập một Ủy ban quản lý và giám sát các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Chính phủ. Tuy vậy, mô hình mới này cũng còn nhiều băn khoăn làm cho điểm dao động ở mức lương lự và đồng ý.

4.1.4. Nhóm 4: Hình thức tổ chức của cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước trong thời gian tới

Các ý kiến về hình thức tổ chức của cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước trong thời gian tới cũng vẫn chưa có sự đồng nhất với điểm trung bình đánh giá các mục dao động gần mức 3 (lương lự). Đa số ý kiến chuyên gia đồng thuận hơn về phương án *“Thành lập cơ quan chuyên trách thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước được tổ chức dưới hình thức Ủy ban thuộc Chính phủ”* với điểm bình quân cao nhất là 3,08; tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý là 39%.

4.1.5. Nhóm 5: Cơ chế quản lý huy động vốn tại các tổng công ty xây dựng nhà nước hiện nay

Về cơ chế quản lý huy động vốn tại các tổng công ty xây dựng nhà nước, kết quả điều tra chuyên gia cho thấy cơ chế huy động vốn tại các tổng công ty xây dựng nhà nước hiện nay nói chung tương đối hợp lý với điểm trung bình đánh giá 3.48 (56% cho là hợp lý, trong khi ý kiến cho rằng chưa hợp lý chỉ chiếm 12%). Bên cạnh đó, các cơ chế huy động vốn

và cơ chế tiếp cận vốn cũng được đánh giá là tương đối hợp lý với hơn 50% đánh giá là hợp lý và chỉ 20% đánh giá là chưa hợp lý. Tuy nhiên, cũng nên xem xét để cải thiện thêm, vì tỷ lệ ý kiến Lương lự cũng cao khá cao, trên 20% cho thấy, gần 1/3 có thể đang cân nhắc một số phương án khác hợp lý hơn.

4.1.6. Nhóm 6: Cơ chế quản lý vốn và tài sản tại các tổng công ty xây dựng hiện nay

Kết quả điều tra phản ánh nhận định chung về lý sử dụng vốn và tài sản tại các tổng công ty xây dựng nhà nước hiện nay vẫn chưa thực sự hợp lý, điểm trung bình đánh giá nhìn chung vẫn mức Lương lự (gần mức 3).

Ba nội dung được đánh giá thấp nhất lần lượt là: “Việc kiểm tra, giám sát chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính của các Tổng công ty đối với đại diện chủ sở hữu” với điểm đánh giá trung bình sát mốc 3, trong đó, có tới 43% đánh giá là chưa hợp lý, tiếp theo là “Công tác thanh tra, giám sát sử dụng vốn nhà nước” với mức đánh giá chưa hợp lý chiếm 35%, cuối cùng là “Vấn đề sở hữu chéo trong Tổng công ty hiện nay” vẫn có đến 29% nhận định là chưa hợp lý. Ngoài ra, các vấn đề nổi cộm trong sử dụng vốn và tài sản tại các tổng công ty xây dựng nhà nước như cơ chế phân phối lợi nhuận, vấn đề quản lý và sử dụng đất của tổng công ty, và quy định về thoái vốn cũng được các chuyên gia đánh giá còn nhiều bất hợp lý.

4.1.7. Nhóm 7: Các đánh giá về số lượng thành viên, quan hệ giữa tổng công ty với các đơn vị thành viên

Ý kiến đánh giá của chuyên gia cho thấy, hạn chế lớn nhất trong cơ chế quản trị giữa tổng công ty với các đơn vị thành viên là cơ chế quản trị giữa tổng công ty với các công ty thành viên chưa hiện đại và chuyên nghiệp, bị hành chính hóa với số điểm đánh giá mức 3.83 cho thấy mức độ đồng ý với nhận định này rất cao. Tiếp đến, hạn chế lớn thứ hai là việc việc phân cấp, phân quyền giữa tổng công ty và các công ty thành viên chưa hợp lý, còn nhiều bất cập, chưa thực chất với 79% chuyên gia đồng ý với nhận định này.

4.1.8. Nhóm 8: Ý kiến đối với các quan điểm liên quan đến cổ phần hóa các tổng công ty xây dựng nhà nước

Các chuyên gia có sự đồng thuận cao trong việc “Cổ phần hóa toàn bộ các tổng công ty xây dựng, Nhà nước chỉ cần nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ” với tỷ lệ đồng ý là 83%, chỉ có 4% không đồng ý với nhận định này và 13% còn lại còn lưỡng lự.

Về các nguyên nhân làm chậm trễ hoặc cản trở

quá trình cổ phần hóa các tổng công ty xây dựng nhà nước, kết quả điều tra chuyên gia cho thấy, nguyên nhân quan trọng nhất là do công tác đối chiếu công nợ và xử lý tài chính, tiếp đến là do bộ chủ quản không cương quyết thực hiện, sau đó là do lợi ích nhóm chi phối. Đáng chú ý là đối với nguyên nhân “lợi ích nhóm chi phối” có đến 48% đồng ý và hoàn toàn đồng ý, tỷ lệ không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý chỉ chiếm 21%, còn lại 31% là lưỡng lự.

4.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá những hạn chế trong thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các tổng công ty xây dựng nhà nước

Kết quả kiểm định thang đo thông qua hệ số Cronbach’s Alpha cho thấy, biến C2_12_1 “Hầu hết Kiểm soát viên đều là cán bộ, chuyên viên phòng/ban của doanh nghiệp kiêm nhiệm” và biến C2_12_5 “Hoạt động giám sát của Kiểm soát viên chưa có quy định, quy chế hướng dẫn” có tương quan rất thấp với tổng <0,3 cho thấy mức độ giải thích cho tổng thể của 2 biến này rất thấp. Do đó, 2 biến này được loại ra khỏi các biến khi chạy mô hình phân tích nhân tố khám phá.

Kết quả phân tích nhân tố lần 1 cho tất cả các biến trong mục hỏi cho thấy, hai biến trên không là những nhân tố độc lập nên tiến hành thực hiện phân tích nhân tố khám phá lần 2 với việc loại 2 biến này ra khỏi thang đo.

Bảng 1 thể hiện kết quả phân tích nhân tố lần 2, qua đó rút ra được 4 nhóm nhân tố chung và các thuộc tính thuộc về nhân tố được tính lựa chọn theo phương pháp xoay Quatimax. Tên các nhân tố được đặt lại như sau:

4.2.1. Nhân tố 1 (ký hiệu C2_FCT1): Sự chòng chéo trong phân định chức năng và hiệu quả thấp của việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước

Nhân tố 1 có 6 thuộc tính gắn theo các biến, bao gồm:

C2_4 doanh nghiệp nhà nước chịu sự kiểm tra, giám sát của nhiều cơ quan quản lý các cấp đối với cùng một nội dung;

C2_5 Phân định không rõ trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu;

C2_1 Chức năng quản lý nhà nước và chức năng đại diện chủ sở hữu bị chòng chéo;

C2_2 Cơ quan hành chính nhà nước thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu không có đủ chuyên

Bảng 1: Kết quả phân tích nhân tố những hạn chế thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các tổng công ty xây dựng nhà nước

KMO and Bartlett's Test

Kiểm định KMO (Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy).		.785
Kiểm định Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	515.152
	Df	105
	Sig.	.000

Ma trận nhân tố xoay (Rotated Component Matrix^a)

	Component			
	1	2	3	4
C2_4 doanh nghiệp nhà nước chịu sự kiểm tra, giám sát của nhiều cơ quan quản lý các cấp đối với cùng một nội dung	,763	,130	-	-
C2_5 Phân định không rõ trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu	,753	,139	,052	-
C2_1 Chức năng quản lý nhà nước và chức năng đại diện chủ sở hữu bị chồng chéo	,726	-	-	,341
C2_2 Cơ quan hành chính nhà nước thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu không có đủ chuyên môn quản lý các doanh nghiệp đa lĩnh vực	,675	,146	-	,105
C2_6 Việc phối hợp trong thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu nhà nước giữa các bộ/ban/ngành hoặc sở còn hạn chế, chất lượng không cao	,623	,065	,431	,147
C2_3 Chức năng chủ sở hữu bị hạn chế do phải sử dụng các cán bộ và bộ phận giúp việc/tham mưu làm việc theo phương thức hành chính	,536	,277	,331	,205
C2_11 Các doanh nghiệp nhà nước bị hạn chế tham gia đấu thầu các dự án đầu tư mà Bộ/UBND cấp tỉnh làm chủ đầu tư, các dự án do các tổ chức quốc tế viện trợ	,104	,730	-	-
C2_10 Chưa có quy định cụ thể tạo động lực cho tổ chức, cá nhân thuộc các cơ quan nhà nước được giao đại diện chủ sở hữu nhà nước thực hiện tốt nhiệm vụ	,027	,640	,265	,143
C2_12_6 Hoạt động giám sát, kiểm soát của Kiểm soát viên đối với đại diện chủ sở hữu còn thiếu công cụ pháp chế ngăn ngừa kịp thời.	,092	,637	,072	,463
C2_12_2 Chế độ lương, thưởng, phụ cấp của Kiểm soát viên còn thấp	,114	,630	,368	-
C2_9 Việc phân công thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước trong nội bộ từng cơ quan nhà nước còn phân tán, chồng chéo giữa các Vụ/Cục/Phòng ban.	,292	,619	,040	,048
C2_12_3 Doanh nghiệp đang bị giám sát bởi Kiểm soát viên nhưng lại chi trả trực tiếp lương cho Kiểm soát viên	,024	,156	,833	,042
C2_12_4 Hoạt động giám sát của chủ sở hữu nhà nước thông qua Kiểm soát viên còn mang tính hình thức, tượng trưng, buông lỏng và bị chi phối bởi quan hệ lợi ích	,146	,140	,760	,210
C2_8 Chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm báo cáo, giải trình của các cơ quan được giao đại diện chủ sở hữu nhà nước trước các cơ quan dân cử (như Quốc hội, Hội đồng nhân dân)	,135	,224	,168	,787
C2_7 Chưa xác định cụ thể quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Hội đồng nhân dân trong thực hiện chức năng giám sát các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước	,246	,099	,132	,755

Nguồn: Xử lý kết quả điều tra trên phần mềm SPSS 21 của nhóm nghiên cứu

môn quản lý các doanh nghiệp đa lĩnh vực;

C2_6 Việc phối hợp trong thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu nhà nước giữa các bộ/ban/ngành hoặc sở còn hạn chế, chất lượng không cao;

C2_3 Chức năng chủ sở hữu bị hạn chế do phải sử dụng các cán bộ và bộ phận giúp việc/tham mưu làm việc theo phương thức hành chính;

4.2.2. Nhân tố 2 (ký hiệu C2_FCT2): Các hạn chế trong các quy định và chế độ thực hiện chức năng của đại diện chủ sở hữu

Nhân tố này được đo lường bằng 5 thuộc tính sau:

C2_11 Các doanh nghiệp nhà nước bị hạn chế tham gia đầu thầu các dự án đầu tư mà Bộ/UBND cấp tỉnh làm chủ đầu tư, các dự án do các tổ chức quốc tế viện trợ;

C2_10 Chưa có quy định cụ thể tạo động lực cho tổ chức, cá nhân thuộc các cơ quan nhà nước được giao đại diện chủ sở hữu nhà nước thực hiện tốt nhiệm vụ;

C2_12_6 Hoạt động giám sát, kiểm soát của Kiểm soát viên đối với đại diện chủ sở hữu còn thiếu công cụ pháp chế ngăn ngừa kịp thời;

C2_12_2 Chế độ lương, thưởng, phụ cấp của Kiểm soát viên còn thấp;

C2_9 Việc phân công thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước trong nội bộ từng cơ quan nhà nước còn phân tán, chồng chéo giữa các Vụ/Cục/Phòng ban.

4.2.3. Nhân tố 3 (ký hiệu C2_FCT3): Hạn chế trong hoạt động giám sát và chi trả cho Kiểm soát viên

Nhân tố 3 được đo lường bằng các thuộc tính:

C2_12_3 Doanh nghiệp đang bị giám sát bởi Kiểm soát viên nhưng lại chi trả trực tiếp lương cho Kiểm soát viên;

C2_12_4 Hoạt động giám sát của chủ sở hữu nhà nước thông qua Kiểm soát viên còn mang tính hình thức, tượng trưng, buông lỏng và bị chi phối bởi quan hệ lợi ích;

4.2.4. Nhân tố 4 (ký hiệu C2_FCT4): Hạn chế về sự tham gia giám sát của các cơ quan dân cử

Nhân tố 4 được đo lường bằng các thuộc tính:

C2_8 Chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm báo cáo, giải trình của các cơ quan được giao đại diện chủ sở hữu nhà nước trước các cơ quan dân cử (như Quốc hội, Hội đồng nhân dân);

C2_7 Chưa xác định cụ thể quyền, trách nhiệm

của Quốc hội, Hội đồng nhân dân trong thực hiện chức năng giám sát các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước.

Từ kết quả ma trận nhân tố, trọng số của các thuộc tính theo từng nhóm nhân tố được xác định như sau:

- $C2_FCT1 = 0,1798 * C2_1 + 0,1679 * C2_2 + 0,0996 * C2_3 + 0,214 * C2_4 + 0,2 * C2_5 + 0,1388 * C2_6;$

- $C2_FCT2 = 0,1909 * C2_9 + 0,1865 * C2_10 + 0,2691 * C2_11 + 0,1793 * C2_12_2 + 0,1742 * C2_12_6;$

- $C2_FCT3 = 0,5418 * C2_3 + 0,4582 * C2_4;$

- $C2_FCT4 = 0,4918 * C2_7 + 0,5082 * C2_8.$

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Từ kết quả phỏng vấn chuyên gia, nhóm nghiên cứu rút ra một số kết luận chủ yếu sau:

Thứ nhất, sử dụng phân tích nhân tố khám phá (EFA), nhóm nghiên cứu rút trích được 4 nhóm nhân tố với 15 thuộc tính phản ánh những hạn chế trong thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các tổng công ty xây dựng nhà nước hiện nay, đó là:

(i) Sự chồng chéo trong phân định chức năng và hiệu quả thấp của việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu Nhà nước;

(ii) Việc thực hiện các quy định và chế độ của đại diện chủ sở hữu còn nhiều bất cập;

(iii) Hoạt động của kiểm soát viên tại các doanh nghiệp Nhà nước chưa hiệu quả;

(iv) Vai trò giám sát của các cơ quan dân cử chưa cao, thiếu hiệu quả.

Nguyên nhân lớn nhất dẫn đến những hạn chế trên là “*Năng lực và các điều kiện cho thực hiện giám sát của chủ sở hữu nhà nước còn thiếu và yếu*”. Đây là những luận cứ quan trọng để đề xuất các giải pháp hoàn thiện mô hình tổ chức và cơ chế quản lý vốn nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước nói chung và các tổng công ty xây dựng nhà nước nói riêng.

Thứ hai, đổi mới mô hình thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước theo hướng thành lập cơ quan chuyên trách thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước được tổ chức dưới hình thức ủy ban thuộc Chính phủ được sự đồng thuận nhất nhất của các chuyên gia so với các phương án khác. Tuy nhiên, điểm bình quân của ngay chính phương

án này mới chỉ đạt nhất 3,24 với tổng đồng ý và hoàn toàn đồng ý chiếm 51%. Điều này cho thấy, mô hình này cũng cần có sự nghiên cứu kỹ lưỡng để đảm bảo sự đồng thuận cũng như có hiệu quả khi thực hiện.

Thứ ba, các chuyên gia đều đồng thuận cao với phương án cổ phần hóa toàn bộ các tổng công ty xây dựng Nhà nước, đồng thời Nhà nước cũng chỉ nên nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ. Nhận định về các nguyên nhân đang cản trở quá trình cổ phần hóa các tổng công ty xây dựng nhà nước, các chuyên gia cho rằng, nguyên nhân quan trọng nhất là do công tác đối chiếu công nợ và xử lý tài chính, tiếp đến là do bộ chủ quản không cương quyết thực hiện, sau đó là lý do lợi ích nhóm chi phối.

Thứ tư, kết quả trọng số của từng thuộc tính theo kết quả EFA khám phá về các nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong mô hình và cơ chế quản lý vốn nhà nước tại các tổng công ty xây dựng nhà nước, để hạn chế sự chông chéo và nâng cao hiệu quả của việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước. Ba nhiệm vụ cần ưu tiên là (1) cần xóa bỏ tình trạng các doanh nghiệp nhà nước đang phải chịu sự kiểm tra, giám sát của nhiều cơ quan quản lý về cùng một nội dung; kế đến là (2) cần phân định rõ trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu; và cuối cùng là (3) cần tách bạch chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước và chức năng quản lý nhà nước.

Thứ năm, 3 vấn đề ưu tiên trong hoàn thiện các quy định và chế độ thực hiện chức năng của đại diện chủ sở hữu lần lượt là: sửa đổi quy định các doanh nghiệp nhà nước bị hạn chế tham gia đầu thầu các dự án đầu tư mà bộ hoặc ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm chủ đầu tư, các dự án do các tổ chức quốc tế viện trợ; xây dựng các chính sách tạo động lực cho tổ chức, cá nhân thuộc các cơ quan nhà nước được giao đại diện chủ sở hữu nhà nước thực hiện tốt nhiệm vụ; bổ sung các chế tài đối với hoạt động giám sát, kiểm soát của kiểm soát viên đối với chủ sở hữu cũng như các chế độ lương, thưởng, phụ cấp đối với kiểm soát viên.

5.2. Khuyến nghị

Từ các kết luận trên, nhóm nghiên cứu có một số khuyến nghị sau để đổi mới mô hình và cơ chế quản lý vốn nhà nước tại các tổng công ty xây dựng nhà nước trong thời gian tới:

Một là, tách bạch chức năng quản lý nhà nước và chức năng đại diện chủ sở hữu theo hướng thành lập cơ quan chuyên trách trực thuộc Chính phủ quản lý

các doanh nghiệp nhà nước.

Phương án này thể hiện sự thống nhất, tập trung thực hiện chức năng chủ sở hữu và tách bạch cơ quan chủ sở hữu và cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Ở cấp trung ương, Chính phủ thành lập một ủy ban quản lý, giám sát doanh nghiệp nhà nước độc lập với bộ để chuyên trách thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước. Các bộ chỉ tập trung vào thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước về ngành đối với các doanh nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu.

Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố thành lập một cơ quan trực thuộc và độc lập với các sở, ban, ngành để thực hiện quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp địa phương.

Hai là, tăng cường quyền và trách nhiệm của Quốc hội và hội đồng nhân dân trong việc thực hiện chức năng giám sát các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước. Cần xây dựng và ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan được Chính phủ uỷ quyền thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu, đặc biệt đối với việc bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên hội đồng quản trị. Cần sớm ban hành quy trình về tuyển chọn, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh chủ chốt của doanh nghiệp.

Ba là, hoàn thiện khung chính sách của Nhà nước hướng tới nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư vốn nhà nước tại các tổng công ty xây dựng.

Hiện nay, Luật Đầu tư công đã được Quốc hội thông qua ngày 18/06/2014, từ đó, cơ chế quản lý và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp Nhà nước được tách bạch và hoàn thiện quyền tự chủ về kinh doanh, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp. Trong bối cảnh này, khung chính sách của nhà nước hướng tới nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư vốn nhà nước tại các tổng công ty xây dựng cần được đổi mới theo hướng sau:

- Ban hành danh mục các tổng công ty xây dựng mà Nhà nước cần nắm giữ cổ phần chi phối và không chi phối theo hướng Nhà nước chỉ cần nắm cổ phần chi phối tại các Tổng công ty xây dựng hạ tầng giao thông hoặc các lĩnh vực xây dựng đặc thù liên quan đến an ninh – quốc phòng. Đẩy mạnh việc sắp xếp các tổng công ty xây dựng nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn thực hiện sắp xếp lại theo các hình thức cho phù hợp (cổ phần hoá, chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên);

- Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của các Tổng công ty xây dựng Nhà nước. Hiện nay, các chỉ tiêu phân tích chủ yếu chú trọng vào thông tin kế toán tại các báo cáo tài chính của doanh nghiệp (tỷ suất lợi nhuận, doanh thu, sản lượng,...), do đó cần bổ sung các chỉ tiêu đánh giá phi kinh tế khác liên quan đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng, khả năng phát triển công nghệ, năng lực nghiên cứu, đổi mới công nghệ, xử lý vấn đề ô nhiễm môi trường sống,... Mặc dù các chỉ tiêu này khó định lượng song có thể sử dụng phương pháp khác để có được kết quả phản hồi như điều tra chọn mẫu, phỏng vấn sâu;

- Sửa đổi bổ sung các cơ chế quản lý tài chính, các tiêu chí quản lý, giám sát hiệu quả quản lý đối với các tổng công ty xây dựng nhà nước bao gồm tổng hợp nhiều nhóm tiêu chí liên quan đến hoàn thành nhiệm vụ chính trị - xã hội, tiêu chí về các giá trị kinh tế, các tiêu chí liên quan đến yêu cầu công khai, minh bạch và chất lượng quản trị;

- Hoàn thiện cơ chế, tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của người đại diện chủ sở hữu theo ủy quyền của doanh nghiệp, đặc biệt là những đại diện có chức danh quản lý điều hành doanh nghiệp theo hướng căn cứ vào kết quả cuối cùng thay vì căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch hay các quy định mang tính chất pháp lý;

- Vì khoản đầu tư của các tổng công ty xây dựng thường có giá trị lớn, thời gian dài, quá trình giải ngân vốn, giám sát thi hành và thu hồi vốn rất phức tạp, liên quan đến nhiều bên tham gia nên để tăng hiệu quả, công tác kế hoạch của các dự án cần phải đánh giá hết các chi phí phát sinh (có tính đến giá trị thời gian của tiền), các rủi ro tài chính để dự toán ngân sách sát đúng với quá trình thực hiện công trình, tránh để tình trạng thiếu vốn, dự án hay công trình lại phải chờ đợi sự phê duyệt bổ sung;

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, bảo đảm quan hệ mua bán sản phẩm và dịch vụ giữa các doanh

ngiệp, Tổng công ty xây dựng theo quy luật thị trường, cần hạn chế việc sử dụng các quỹ ngân sách cho bù giá, ổn định thị trường. Đồng thời bổ sung quy định chủ sở hữu nhà nước thực hiện quyền thu lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước từ phần vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp khác để tập trung về Quỹ hỗ trợ, sắp xếp và phát triển các doanh nghiệp cho các mục tiêu ưu tiên;

- Nâng cao năng lực chủ động huy động vốn của các tổng công ty xây dựng nhà nước để đa dạng hóa nguồn vốn, giảm thiểu chi phí, đồng thời tăng cường tối đa khả năng tự chủ và đáp ứng vốn kịp thời.

Bón là, tăng cường công khai thông tin và minh bạch hóa hoạt động của các tổng công ty xây dựng Nhà nước.

Để đảm bảo công tác giám sát của chủ sở hữu nhà nước xác thực, rõ ràng, minh bạch, trong thời gian tới phải có những quy định về pháp luật yêu cầu các tổng công ty xây dựng nhà nước phải thực hiện công bố rộng rãi, kịp thời và chính xác về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính.

Để thực hiện được những yêu cầu trên, bản thân các Tổng công ty xây dựng Nhà nước phải minh bạch hóa hoạt động đầu tư của mình, cụ thể phải tổ chức xây dựng và công bố báo cáo thường niên về hoạt động đầu tư kinh doanh của chủ sở hữu nhà nước, tập trung vào các nội dung chủ yếu như:

- Công bố công khai về danh mục các doanh nghiệp có vốn nhà nước tại thời điểm 31/12 hàng năm, thông tin về tỷ lệ sở hữu của Nhà nước tại doanh nghiệp, vốn điều lệ, tổng tài sản, hình thức pháp lý, ngành nghề kinh doanh chính, tên tổ chức đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước;

- Thực trạng và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình thực hiện mục tiêu của chủ sở hữu;

- Thực trạng thực hiện chức năng chủ sở hữu tại doanh nghiệp. □

Tài liệu tham khảo

Amico, Alissa (2012), "Priorities for improving governance and performance of state-owned enterprises in the Middle East and North Africa", in OECD, *Towards New Arrangements for State Ownership in the Middle East and North Africa*, OECD Publishing, trang 13 đến 52.

Bozec, R., Breton, G. và Côté, L. (2002), 'The Performance of State-Owned Enterprises Revisited', *Financial Accountability & Management*, tập 18, trang 383 đến 407.

CIEM-BWTO (2012), 'Báo cáo điều tra tách bạch chức năng chủ sở hữu nhà nước với chức năng quản lý hành chính nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước', Dự án Tách chức năng chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước với chức

- năng quản lý hành chính nhà nước nhằm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và thực hiện cam kết WTO thuộc Chương trình Hỗ trợ Kỹ thuật hậu gia nhập WTO, Hà Nội.
- CIEM (2013), *Dự thảo Đề án tách chức năng chủ sở hữu Nhà nước đối với chức năng quản lý Nhà nước của các cơ quan nhà nước và thành lập cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại doanh nghiệp*, Hà Nội.
- Chính phủ (2014), Nghị quyết số 15/NQ-CP, về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, ban hành ngày 03 tháng 3 năm 2014.
- Hair, Joseph F. Jr., Anderson, Rolph E., Tatham, Ronald L. và Black, William C. (1998), *Multivariate data analysis*, Prentical Hall International, Upper Saddle River, NJ.
- Mattlin, Mikael, (2012), ‘Chinese strategic state-owned enterprises and ownership control’, *BICCS Asia Paper*, Tập 6, số 4, trang 3-28.
- Nguyễn Đình Thọ (2013), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thu Hương (2009), ‘Quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp sau cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước’, Luận án tiến sỹ kinh tế, Học viện Tài chính.
- OECD (2005), *OECD guidelines on corporate governance of state-owned enterprises*, OECD Publishing.
- Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 929/QĐ-TTg, phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015”, ban hành ngày 17 tháng 7 năm 2012.
- Vũ Thành Tự Anh (2012), *Tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước ở Việt Nam*, Báo cáo tư vấn chính sách kinh tế cho Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Hà Nội, 2012.
- Vũ Tuấn Anh (2012), ‘Quản lý tài chính góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các tập đoàn kinh tế Việt Nam’, Luận án Tiến sỹ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Xu, K. (2010), ‘Research on China’s State-owned enterprise capital budgeting’, *International Journal of Business and Management*, Tập 2, số 5, trang 217 đến 219.

Thông tin tác giả:

***Đoàn Thị Thu Hà**, Phó giáo sư, Tiến sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu: Quản lý nhà nước về kinh tế, Chính sách công,...

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*,...

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: thuhadoan5yk@yahoo.com.vn

****Nguyễn Ngọc Tuấn**, Thạc sỹ, Nghiên cứu sinh

- Tổ chức tác giả công tác: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội,

- Lĩnh vực nghiên cứu: Quản trị doanh nghiệp, tài chính, bất động sản, nhà ở, chính sách công.

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: tuannn66@gmail.com

*****Mai Công Quyền**, Thạc sỹ, Nghiên cứu sinh

- Tổ chức tác giả công tác: Tổng công ty đầu tư và phát triển Nhà Hà Nội (Hadinco),

- Lĩnh vực nghiên cứu: chứng khoán, quản trị tài chính doanh nghiệp.

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: mcqneu1976@yahoo.com